

TÁC ĐỘNG CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO ĐẾN PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG: TIẾP CẬN TỪ GÓC NHÌN XÃ HỘI HỌC

NGÔ THỊ TRANG
Viện TICES, Trường Đại học Thăng Long

Nhận bài ngày 20/9/2025. Sửa chữa xong 15/11/2025. Duyệt đăng 18/11/2025.

Abstract

The rapid advancement of artificial intelligence (AI) has profoundly reshaped learning methods in higher education. From a sociological perspective, this study examines how AI influences students' learning behaviors, motivations, and their relationship with instructors at Thang Long University. The findings indicate that AI enhances information access, self-learning capacities, and personalized learning pathways, while simultaneously presenting challenges such as overreliance on technology, reduced critical thinking, and disparities in technological access. Based on these insights, the article proposes educational orientations that promote responsible, human-centered, and equitable use of AI in university settings.

Keywords: Artificial intelligence, learning methods, sociology of education, technological inequality, university students.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên số, trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một công cụ quan trọng, góp phần thay đổi căn bản cách sinh viên (SV) học tập và tiếp cận tri thức. Các ứng dụng như ChatGPT, Copilot, Gemini... giúp người học dễ dàng tra cứu thông tin, giải thích khái niệm, gợi ý ý tưởng và hỗ trợ dịch thuật, qua đó cá nhân hóa việc học, tăng tính linh hoạt và hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tiện ích nổi bật, AI cũng đặt ra nhiều thách thức trong môi trường giáo dục đại học (GDĐH). Việc SV quá phụ thuộc vào AI có thể làm giảm khả năng tư duy phản biện, sáng tạo và năng lực tự học - những yếu tố cốt lõi mà GDĐH hướng đến. Thêm vào đó, sự chênh lệch về kỹ năng số, thiết bị và môi trường học tập đang tạo ra khoảng cách tiếp cận AI giữa các nhóm SV. Đặc biệt, tình trạng lạm dụng AI trong làm bài tập, tiểu luận, luận văn làm gia tăng nguy cơ vi phạm đạo đức học thuật. Trường Đại học Thăng Long là một trong những đơn vị tiên phong ứng dụng công nghệ vào giảng dạy và quản lý đào tạo. SV của trường năng động, nhạy bén với công nghệ, đặc biệt là các công cụ AI, điều này vừa mở ra cơ hội đổi mới phương pháp học, vừa đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc định hướng sử dụng đúng đắn. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu này tiếp cận từ góc nhìn xã hội học nhằm tìm hiểu tác động của AI đến phương pháp học tập của SV, đồng thời phân tích các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến mức độ sử dụng AI, từ đó đề xuất định hướng phù hợp để nâng cao hiệu quả và đạo đức trong học tập.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Các khái niệm cơ bản

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI): Theo UNESCO (2023), AI là tập hợp các hệ thống kỹ thuật có khả năng phân tích dữ liệu, học hỏi từ kinh nghiệm và thực hiện các nhiệm vụ thường đòi hỏi trí tuệ con người. Trong giáo dục, AI được ứng dụng để cá nhân hóa lộ trình học tập, hỗ trợ giảng viên (GV) và mở rộng khả năng tiếp cận tri thức quốc tế. Phương pháp học tập (Learning methods): Theo Chan &

Email: trang.nt@thanglong.edu.vn

Hu (2023), phương pháp học tập trong bối cảnh AI bao gồm việc SV sử dụng công cụ trí tuệ nhân tạo để tìm kiếm, tổng hợp thông tin, gợi ý giải pháp và phản biện tri thức. Đây là sự mở rộng của khái niệm phương pháp học tập truyền thống, hướng đến hình thức học tập lai ghép giữa con người và máy móc. Xã hội học giáo dục (Sociology of education): Bhatia, V. (2025) cho rằng xã hội học giáo dục không thể tách rời khỏi quá trình số hóa đang diễn ra, trong đó AI không chỉ định hình lại hành vi học tập và vai trò của giáo viên mà còn làm nổi bật những bất bình đẳng xã hội vốn có trong giáo dục - đặc biệt đối với các nhóm học sinh thiệt thòi về kinh tế, văn hóa và khả năng tiếp cận công nghệ. Bất bình đẳng công nghệ (Technological inequality): Theo Kalim, Kanwar, Sha & Huang (2025), bất bình đẳng công nghệ trong GDĐH châu Á thể hiện qua sự chênh lệch trong việc tiếp cận và sử dụng AI của phụ nữ, do thiếu kỹ năng số, định kiến giới, vai trò xã hội truyền thống và thiếu đại diện trong chính sách AI. Nghiên cứu chỉ ra rằng AI có thể vừa là công cụ thu hẹp, vừa là yếu tố mở rộng khoảng cách công nghệ, tùy thuộc vào cách thức triển khai và hỗ trợ người học.

2.1.2. Tổng quan nghiên cứu

Trong nước, nhiều công trình gần đây đã bàn về tác động của AI trong giáo dục. Lê Anh Vinh và Trần Mỹ Ngọc (2024) nhấn mạnh rằng AI mở ra cơ hội lớn cho giáo dục, đặc biệt trong việc hỗ trợ học tập cá nhân hóa, nâng cao năng lực tự học và đổi mới phương pháp giảng dạy, đồng thời cảnh báo về những thách thức như bất bình đẳng số, đạo đức học thuật và sự phụ thuộc vào công nghệ [1, tr. 9]. Đáng chú ý, tác giả đề xuất hình thành một khung năng lực AI cho người học, gồm: tư duy lấy con người làm trung tâm, kỹ năng sử dụng AI có trách nhiệm và khả năng thiết kế hệ thống [1, tr. 10]. Trong khi đó, Bùi Trọng Tài và Nguyễn Minh Tuấn (2024) phân tích xu hướng ứng dụng AI trong GDĐH, cho rằng đây là sự thay đổi mang tính tất yếu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường tính cá nhân hóa trong học tập và giảm tải cho GV [2, tr. 10-11]. Tuy nhiên, ông cảnh báo rằng nếu thiếu định hướng, AI có thể làm suy giảm tư duy phản biện của SV, dẫn đến khủng hoảng đạo đức học thuật và làm mờ nhạt vai trò của GV [2, tr. 9-10].

Nguyễn Thị Hương (2024) khảo sát 124 SV về việc sử dụng AI trong học tập, cho thấy AI được ứng dụng rộng rãi với các công cụ như: ChatGPT và Gemini, giúp tiết kiệm thời gian, cá nhân hóa học tập và nâng cao hiệu quả nghiên cứu [3, tr. 8-10]. Tuy nhiên, tác giả cảnh báo nguy cơ phụ thuộc công nghệ, suy giảm tư duy sáng tạo và vi phạm đạo đức học thuật, đồng thời nhấn mạnh cần đào tạo năng lực số và quy định sử dụng AI hợp lý trong GDĐH [3, tr. 10-12].

Trong cùng hướng tiếp cận, Nguyễn Đức Can, Lê Nguyễn Trang Nhung và Nguyễn Quang Anh (2025) phân tích vai trò của AI trong chuyển đổi số GDĐH, xem đây là xu hướng tất yếu giúp hiện đại hóa giảng dạy và nâng cao hiệu quả quản lý. AI góp phần cá nhân hóa học tập, tối ưu hóa quy trình giảng dạy, phân tích dữ liệu và tự động hóa công việc hành chính, qua đó giảm tải cho GV và nâng cao chất lượng đào tạo [4, tr. 20-23]. Đồng thời, AI hỗ trợ xây dựng mô hình giáo dục thông minh bền vững với hệ thống học tập thích ứng và đánh giá liên tục [4, tr. 22-23]. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra thách thức về hạ tầng công nghệ, năng lực số, chi phí đầu tư và an toàn dữ liệu, đòi hỏi chính sách và chiến lược triển khai nhân văn, bền vững [4, tr. 23-24]. Quốc tế, nhiều công trình đã phân tích ảnh hưởng hai mặt của AI. Chan và Hu (2023) khảo sát 399 SV đại học tại Hồng Kông, cho thấy họ đánh giá cao sự hỗ trợ của AI trong tra cứu và viết học thuật, song lo ngại về độ tin cậy, quyền riêng tư và nguy cơ lệ thuộc, có thể làm suy giảm tư duy phản biện và sáng tạo [5, tr. 9-11]. Bhatia (2025) có đề cập rằng AI giúp nâng cao hiệu quả tự học thông qua các nền tảng học tập thích ứng, cá nhân hóa nội dung theo năng lực và tiến độ của người học. Tuy nhiên, bài viết cũng cảnh báo rằng việc quá phụ thuộc vào AI có thể ảnh hưởng đến năng lực phản biện độc lập, do người học dễ bị cuốn vào việc tiếp nhận kiến thức được "gợi ý sẵn" mà thiếu đi sự chủ động tư duy và đánh giá phản biện. Trong nghiên cứu "Barriers to AI adoption for women in higher education: A systematic review of the Asian context" (Kalim, Kanwar, Sha & Huang, 2025), các tác giả đã tổng hợp 17 nghiên cứu tại châu Á để phân tích rào cản trong việc áp dụng AI đối với phụ nữ trong GDĐH. Kết quả cho thấy AI có thể vừa là công cụ thu hẹp, vừa là nhân tố mở rộng khoảng cách công nghệ, tùy thuộc vào mức độ hỗ trợ và triển khai [6, tr. 13-14]. Saúde, Barros và Almeida (2024) phân tích xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong GDĐH, cho rằng AI

đang làm thay đổi phương pháp học tập của SV theo hướng tăng tính tự chủ, khả năng sáng tạo và tư duy phản biện, đồng thời cảnh báo nguy cơ phụ thuộc công nghệ và gia tăng bất bình đẳng số giữa các nhóm SV [7, tr. 7-9].

Như vậy, các nghiên cứu trong và ngoài nước đều cho thấy AI có tác động hai mặt đến GDĐH: vừa mang lại lợi ích trong việc cá nhân hóa và nâng cao hiệu quả học tập, vừa đặt ra thách thức về công bằng, đạo đức và sự phụ thuộc công nghệ. Tuy nhiên, hầu hết công trình vẫn tập trung vào khía cạnh công nghệ và quản lý, trong khi thiếu các phân tích từ góc nhìn xã hội học về hành vi học tập, mối quan hệ thầy - trò và bất bình đẳng công nghệ. Đây là khoảng trống mà nghiên cứu này hướng tới bổ sung.

Khoảng trống nghiên cứu: Nhìn chung, các công trình trong và ngoài nước đã chỉ ra tác động hai mặt của AI đối với GDĐH, song phần lớn mới dừng ở khía cạnh kỹ thuật và quản lý. Vẫn còn thiếu những phân tích từ góc nhìn xã hội học về: (i) Bất bình đẳng công nghệ giữa các nhóm SV; (ii) Sự thay đổi vai trò của GV trong bối cảnh AI; (iii) Nguy cơ khủng hoảng đạo đức học thuật do lệ thuộc công nghệ.

Việc nghiên cứu tác động của AI đến phương pháp học tập của SV Trường Đại học Thăng Long tiếp cận từ xã hội học, vì vậy không chỉ giúp lấp đầy khoảng trống này mà còn cung cấp thêm cơ sở khoa học cho việc định hướng ứng xử với AI trong GDĐH Việt Nam.

2.2. Thực trạng tác động của AI đến phương pháp học tập của sinh viên

Để đánh giá thực trạng, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát nhanh từ tháng 5 năm 2025 đến tháng 8 năm 2025 trên 200 SV thuộc ba khoa đại diện tại Trường Đại học Thăng Long gồm: Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Kinh tế - Quản lý, Khoa Khoa học Xã hội & Nhân văn. Khảo sát nhằm thu thập dữ liệu về mức độ, mục đích và cách thức SV sử dụng AI trong học tập. Bên cạnh đó, nghiên cứu lựa chọn 10-15 SV có mức độ sử dụng AI khác nhau (thường xuyên, vừa phải, hiếm khi) để phỏng vấn sâu nhằm hiểu rõ hơn trải nghiệm thực tế và quan điểm của SV về AI.

2.2.1. Những tác động tích cực

Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV đã và đang tận dụng AI để hỗ trợ học tập.

Hỗ trợ tiếp cận thông tin nhanh chóng: Có 72,5% SV cho biết thường xuyên sử dụng một số công cụ như: ChatGPT, Gemini hoặc Copilot,... để tìm kiếm, tóm tắt và dịch tài liệu. Một SV Khoa Công nghệ thông tin được phỏng vấn chia sẻ: “Chỉ cần nhập vài dòng, em đã có ngay phần giải thích chi tiết thay vì mất hàng giờ tra cứu”. Kết quả này phù hợp với báo cáo UNESCO (2023), trong đó hơn 60% SV quốc tế cho rằng AI giúp tiết kiệm đáng kể thời gian tra cứu. Tăng cường năng lực tự học: 78% SV Khoa Kinh tế - Quản lý khẳng định AI giúp họ hiểu nhanh các khái niệm và tự giải quyết bài tập. Một SV năm thứ 2 cho biết: “Em không còn phải chờ GV giải thích, AI cho em nhiều cách tiếp cận khác nhau”. Điều này trùng khớp với nhận định trong Nature (2023) về vai trò của ChatGPT trong hỗ trợ tự học. Cá nhân hóa lộ trình học tập: 61,3% SV năm cuối đã dùng AI để viết báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, trong khi SV năm nhất chủ yếu dùng để dịch thuật và tóm tắt tài liệu (47,8%). Một SV Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn thừa nhận: “Nhờ AI, em có thể học theo tốc độ của mình và không bị bỏ lại phía sau”. Thúc đẩy sáng tạo: Nhiều SV chia sẻ họ dùng AI để xây dựng dàn ý, phát triển ý tưởng hoặc hỗ trợ thiết kế nghiên cứu. Cybrarians Journal (2024) cũng ghi nhận mối quan tâm ngày càng tăng về việc SV sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ học tập. Tuy nhiên, vấn đề về độ tin cậy và tính chính xác của thông tin cần được đặc biệt lưu ý. Kamel (2024) phân tích hiện tượng “hallucination” - khi AI tạo ra dữ liệu sai hoặc không tồn tại có thể khiến SV hiểu nhầm và sử dụng sai thông tin nếu thiếu kỹ năng kiểm chứng nguồn, từ đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng học thuật và đạo đức nghiên cứu trong môi trường đại học. Cuối cùng, vấn đề độ tin cậy và tính chính xác của thông tin cũng đáng lưu ý.

2.2.2. Những tác động tiêu cực

Bên cạnh các lợi ích, khảo sát và phỏng vấn cũng chỉ ra nhiều hệ quả đáng lo ngại.

Nguy cơ lệ thuộc: 32% SV thừa nhận họ thường “tìm đến AI trước khi tự suy nghĩ”. Một SV Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn chia sẻ: “Nhiều khi em copy câu hỏi nguyên xi vào ChatGPT thay vì tự đọc tài liệu”. Đây là biểu hiện lệ thuộc, dẫn đến giảm tư duy phản biện - đúng như cảnh báo của Nature (2023).

Đạo đức học thuật: 27,6% SV cho biết từng nộp bài tập có sự hỗ trợ của AI mà không trích dẫn nguồn. Một số SV còn thừa nhận sử dụng AI để viết gần như toàn bộ bài tiểu luận. Trong nghiên cứu: “Generative AI in Higher Education: Seeing ChatGPT Through Universities’ Policies, Resources, and Guidelines” của Wang, Dang, Wu & Mac (2023) cũng phản ánh tình trạng này tại nhiều trường đại học, khi sự xuất hiện của ChatGPT buộc các cơ sở giáo dục phải xem xét lại chính sách đánh giá và đạo đức học thuật. Nghiên cứu cho thấy tỉ lệ SV sử dụng AI trong bài tập mà không trích dẫn nguồn là đáng kể, dẫn đến việc nhiều trường phải điều chỉnh quy định và thúc đẩy mô hình hợp tác thầy - trò chặt chẽ hơn nhằm thích ứng với bối cảnh giáo dục mới do AI tạo ra.

Bất bình đẳng công nghệ: 85% SV Khoa Công nghệ thông tin tự tin vào kỹ năng dùng AI, trong khi ở Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn tỷ lệ này chỉ đạt 48%. Phỏng vấn cho thấy sự chênh lệch đến từ năng lực số, ngoại ngữ và điều kiện thiết bị. Đây là minh chứng cho bất bình đẳng công nghệ mà UNESCO (2023) từng đề cập.

Thông tin sai lệch: Nhiều SV phàn nàn rằng AI đôi khi cung cấp dữ liệu sai (“hallucination”). Một SV Khoa Kinh tế - Quản lý kể lại: “Em từng dùng số liệu AI tạo ra, sau đó mới phát hiện hoàn toàn không có trong báo cáo gốc”. Trong nghiên cứu Understanding the impact of AI Hallucinations on the university community (Kamel, 2024), tác giả gọi hiện tượng này là “AI hallucinations” - tức là khi các công cụ AI sinh nội dung có vẻ thuyết phục nhưng lại chứa thông tin sai lệch, bịa đặt hoặc không tồn tại.

Ví dụ: Heaven, W. D. (2023), Nature: “ChatGPT can make learning too easy, raising concerns about students’ critical thinking.” Bài viết nhấn mạnh nguy cơ SV hình thành thói quen học tập thụ động khi quá phụ thuộc vào AI. Link: <https://www.nature.com/articles/d41586-023-00191-1>.

Wang, Dang, Wu & Mac (2023): “Generative AI in Higher Education: Seeing ChatGPT Through Universities’ Policies, Resources, and Guidelines” chỉ ra rằng sự xuất hiện của ChatGPT đã khiến nhiều trường đại học buộc phải điều chỉnh quy định đánh giá để ứng phó với việc SV sử dụng AI trong tiểu luận và luận văn. Link: <https://arxiv.org/abs/2312.05235>.

UNESCO (2025), AI and Education: Guidance for Policy-makers: Báo cáo chỉ rõ sự bất bình đẳng công nghệ, đặc biệt giữa SV thành thị - nông thôn và giữa các khối ngành đào tạo. Phát hiện này tương đồng với kết quả khảo sát tại Trường Đại học Thăng Long. Link: <https://www.unesco.org/en/articles/ai-and-education-guidance-policy-makers>.

Kamel, H. (2024), Cybrarians Journal: Bài nghiên cứu phân tích hiện tượng “hallucination” của AI - việc công cụ AI tạo ra dữ liệu sai hoặc không tồn tại và cảnh báo rằng nếu SV thiếu kỹ năng kiểm chứng thông tin, họ rất dễ sử dụng nhầm những nội dung này trong học thuật. Tác giả nhấn mạnh rằng hiện tượng này không chỉ gây ảnh hưởng đến chất lượng học tập mà còn đặt ra thách thức lớn về đạo đức và tính chính xác trong môi trường GDĐH. Link: <https://doi.org/10.70000/cj.2024.73.622>.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Dữ liệu khảo sát và phỏng vấn sâu cho thấy AI đang tái định hình phương pháp học tập của SV Trường Đại học Thăng Long, đồng thời phản ánh nhiều vấn đề xã hội học đáng chú ý.

2.3.1. Nguy cơ lệ thuộc công nghệ

Một bộ phận SV (32%) trong khảo sát đã hình thành thói quen phụ thuộc vào AI, coi đây là công cụ giải quyết hầu hết các yêu cầu học tập. Nhiều SV chia sẻ rằng khi gặp bài tập khó, họ “hỏi AI trước khi tự suy nghĩ”, thay vì tự tìm hiểu qua giáo trình hoặc trao đổi với GV. Thói quen này khiến họ mất đi cơ hội rèn luyện tư duy phản biện và năng lực phân tích độc lập - những phẩm chất cốt lõi mà GDĐH hướng tới. Nếu SV chỉ dừng lại ở mức “sử dụng” mà không tiến hành kiểm chứng, so sánh hoặc phản biện thì AI không còn là công cụ hỗ trợ mà trở thành rào cản đối với sự phát triển tư duy phản biện và sáng tạo. Kết quả này hoàn toàn tương đồng với cảnh báo của Nature (2023), rằng sự tiện lợi của ChatGPT có thể dẫn đến tình trạng học tập thụ động, làm xói mòn năng lực tư duy độc lập của SV.

2.3.2. Bất bình đẳng trong tiếp cận AI

Sự chênh lệch rõ rệt giữa SV Khoa Công nghệ thông tin và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn tại Trường

Đại học Thăng Long cho thấy AI đang làm trầm trọng thêm khoảng cách công nghệ. SV ngành kỹ thuật, Khoa Công nghệ thông tin thường có lợi thế về kỹ năng số, ngoại ngữ và điều kiện thiết bị, trong khi SV Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn gặp nhiều hạn chế hơn. Không chỉ khác biệt về ngành học, yếu tố giới tính và điều kiện kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng: nam SV và những người có điều kiện gia đình khá giả thường sở hữu thiết bị tốt, tài khoản trả phí, từ đó khai thác AI hiệu quả hơn. Khoảng cách này dẫn đến sự khác biệt trong kết quả học tập và mức độ chủ động khi ứng dụng AI. Thực tế tại Trường Đại học Thăng Long hoàn toàn phù hợp với báo cáo của UNESCO (2023), trong đó chỉ rõ tình trạng bất bình đẳng công nghệ diễn ra không chỉ giữa các khối ngành mà còn giữa các vùng miền và nhóm xã hội khác nhau.

2.3.3. Thay đổi vai trò giảng viên - sinh viên

Khảo sát tại Trường Đại học Thăng Long cho thấy 41,5% SV tin rằng AI giải thích khái niệm nhanh hơn GV, song vẫn có tới 68% cho rằng GV giữ vai trò “định hướng và phản biện quan trọng” trong học tập. Phỏng vấn sâu cũng cho thấy nhiều SV coi AI như “người thầy thứ hai”, đồng thời khẳng định chỉ GV mới giúp họ phát triển tư duy phản biện, kỹ năng nghiên cứu và định hướng học thuật. Như vậy, AI không làm mất đi vai trò GV mà đặt ra yêu cầu tái định nghĩa: từ người truyền đạt một chiều sang người hướng dẫn, phản biện và đồng hành. Xu thế này cũng được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu quốc tế, khi Wang, Dang, Wu & Mac (2023) cho rằng sự xuất hiện của ChatGPT đang buộc các trường đại học phải “tái cấu trúc quan hệ thầy - trò” theo hướng cộng tác nhiều hơn nhằm đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và đạo đức trong quá trình học tập và đánh giá. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của chính sách và hướng dẫn rõ ràng từ nhà trường trong việc định hình cách SV và GV cùng tiếp cận và sử dụng AI một cách hiệu quả và có trách nhiệm.

2.3.4. Khủng hoảng đạo đức học thuật:

Một vấn đề nổi bật từ khảo sát là 27,6% SV thừa nhận từng nộp bài tập có sự hỗ trợ của AI mà không trích dẫn nguồn, trong đó có trường hợp sử dụng AI để viết gần như toàn bộ tiểu luận. Đây là biểu hiện rõ rệt của tình trạng “vùng xám” trong đạo đức học thuật, gây khó khăn cho GV trong việc đánh giá đúng năng lực SV. Thực trạng này phù hợp với phản ánh của Wang, Dang, Wu & Mac (2023) trong nghiên cứu “Generative AI in Higher Education: Seeing ChatGPT Through Universities’ Policies, Resources, and Guidelines”, khi nhiều trường đại học, đặc biệt tại Mỹ buộc phải điều chỉnh chính sách kiểm tra, đánh giá để ứng phó với hiện tượng SV lạm dụng ChatGPT trong các bài viết học thuật. Nghiên cứu cho thấy không ít SV đã sử dụng AI để hỗ trợ hoặc thậm chí thay thế quá trình viết luận mà không thực hiện trích dẫn, làm dấy lên lo ngại về đạo đức học thuật và buộc các trường phải đưa ra hướng dẫn cụ thể, đồng thời khuyến khích hợp tác minh bạch giữa GV và SV trong môi trường học tập có ứng dụng AI. Nếu không có giải pháp quản lý và định hướng kịp thời, việc lạm dụng AI sẽ đe dọa nghiêm trọng tính trung thực học thuật và uy tín đào tạo của các trường đại học.

2.3.5. Những yếu tố xã hội tác động đến việc sử dụng AI của sinh viên

Kết quả khảo sát và phỏng vấn sâu cho thấy việc SV sử dụng AI không chỉ phụ thuộc vào nhu cầu học tập cá nhân mà còn chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố xã hội.

Ngành học và vốn công nghệ: SV Khoa Công nghệ thông tin và Khoa Kinh tế - Quản lý sử dụng AI thường xuyên và hiệu quả hơn so với SV Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn. Sự khác biệt này đến từ nền tảng kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và mức độ tiếp xúc công nghệ của từng ngành.

Giới tính và năm học: Nam SV có xu hướng sử dụng AI nhiều hơn nữ SV (76% so với 65%), chủ yếu trong các nhiệm vụ liên quan đến lập trình, viết báo cáo và khai thác dữ liệu.

Vốn văn hóa - xã hội: SV có điều kiện gia đình khá giả thường sở hữu máy tính cá nhân cấu hình cao, kết nối Internet ổn định và thậm chí tài khoản AI trả phí. Điều này giúp họ khai thác AI tốt hơn so với SV có điều kiện kinh tế hạn chế, vốn phải dựa vào thiết bị chung của trường.

Kết quả này phản ánh rằng AI không chỉ là công cụ học tập cá nhân mà còn là chỉ báo về sự phân tầng xã hội trong GDĐH. Nghiên cứu của Kalim, Kanwar, Sha & Huang (2025) về những rào cản trong việc áp dụng AI đối với phụ nữ trong GDĐH tại châu Á cho thấy việc sử dụng AI không chỉ phụ thuộc vào năng lực và nhu cầu cá nhân mà còn bị chi phối bởi các yếu tố xã hội như kỹ năng số, giới tính, và

điều kiện kinh tế - xã hội. Các nhóm SV có nền tảng kỹ thuật số tốt và điều kiện xã hội thuận lợi thường tận dụng AI hiệu quả hơn, trong khi những nhóm yếu thế dễ bị tụt lại phía sau do thiếu hỗ trợ và tiếp cận hạn chế. Điều này phản ánh AI không chỉ là công cụ học tập cá nhân mà còn là chỉ báo cho sự phân tầng xã hội trong GDĐH, nhấn mạnh sự cần thiết của các chính sách hỗ trợ nhằm đảm bảo công bằng tiếp cận công nghệ trong môi trường giáo dục.

2.4. Đề xuất định hướng

Từ những kết quả khảo sát và phân tích trên, có thể thấy AI vừa đem lại cơ hội, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với SV Trường Đại học Thăng Long. Để phát huy lợi ích và hạn chế hệ quả tiêu cực cần triển khai đồng bộ các định hướng sau:

2.4.1. Phát triển số tay kỹ năng sử dụng AI trong học tập

Kết quả khảo sát cho thấy 32% SV có xu hướng lệ thuộc vào AI và 27,6% từng nộp bài tập mà không trích dẫn nguồn. Điều này cho thấy nhu cầu cấp thiết về một bộ hướng dẫn chuẩn. Nhà trường có thể biên soạn “sổ tay AI” dành cho SV, tập trung vào kỹ năng tìm kiếm hiệu quả, kiểm chứng thông tin, sử dụng công cụ một cách có trách nhiệm và cách trích dẫn hợp lệ. Tài liệu này sẽ giúp SV hình thành thói quen học tập chủ động thay vì phụ thuộc.

2.4.2. Tích hợp nội dung “AI và học tập có trách nhiệm” vào các học phần kỹ năng

Các học phần như *Kỹ năng học tập* hay *Tư duy phản biện* cần bổ sung nội dung về AI, giúp SV hiểu ranh giới giữa sử dụng công cụ để hỗ trợ và hành vi gian lận học thuật. Đây cũng là cách để nuôi dưỡng “văn hóa AI” - nơi công nghệ được khai thác để phát triển tư duy phản biện và sáng tạo, thay vì thay thế nỗ lực học tập cá nhân.

2.4.3. Xây dựng chính sách đạo đức học thuật liên quan đến AI

Khi gần 1/3 SV thừa nhận lạm dụng AI, việc ban hành quy định rõ ràng về sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu là cần thiết. Chính sách này cần xác định rõ: trường hợp nào được phép, trường hợp nào bị coi là vi phạm; đồng thời có cơ chế giám sát và xử lý minh bạch. Điều này phù hợp với kinh nghiệm quốc tế, nơi nhiều trường đã ban hành “AI policy” để duy trì chuẩn mực học thuật.

2.4.4. Đổi mới vai trò của giảng viên trong bối cảnh AI

Khảo sát cho thấy 41,5% SV đánh giá AI giải thích nhanh hơn GV, song 68% vẫn coi GV là người định hướng quan trọng. Điều này khẳng định vai trò của GV không mất đi mà cần tái định nghĩa. GV nên dịch chuyển từ vai trò “người truyền đạt” sang “người hướng dẫn - phản biện - đồng hành”, giúp SV học cách kiểm chứng, phân tích và phát triển tư duy độc lập.

2.4.5. Giảm thiểu bất bình đẳng công nghệ

Sự chênh lệch rõ rệt giữa SV Khoa Công nghệ thông tin (85% tự tin dùng AI) và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (48%) cho thấy cần có chính sách thu hẹp khoảng cách này. Nhà trường có thể trang bị phòng máy với tài khoản AI dùng chung, tổ chức các khóa tập huấn kỹ năng số và hỗ trợ nhóm SV ở ngành hoặc hoàn cảnh khó khăn. Đây là giải pháp quan trọng để AI trở thành công cụ học tập công bằng cho mọi SV, thay vì nhân tố làm gia tăng phân tầng xã hội.

Những định hướng trên không chỉ nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn tại Trường Đại học Thăng Long mà còn gợi mở cho các cơ sở GDĐH khác tại Việt Nam. Việc ứng xử với AI cần được đặt trong khung tiếp cận xã hội học, coi đây là một hiện tượng xã hội - giáo dục. Chỉ khi đó, AI mới thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực, góp phần xây dựng một môi trường học tập hiện đại - công bằng - nhân văn, nơi SV phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và trách nhiệm trong kỷ nguyên số.

3. Kết luận

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang trở thành một trong những nhân tố có sức ảnh hưởng sâu rộng nhất đến GDĐH trong kỷ nguyên số. Với khả năng xử lý dữ liệu nhanh chóng, phân tích ngữ cảnh, gợi ý giải pháp và cá nhân hóa lộ trình học tập, AI đã mang lại nhiều cơ hội đổi mới phương pháp học tập. Kết quả khảo sát nhanh (2025) trên 200 SV tại Trường Đại học Thăng Long cho thấy, phần lớn SV đã sử dụng AI để tra cứu tài liệu, tóm tắt nội dung, dịch thuật, viết báo cáo và hỗ trợ nghiên cứu. AI giúp SV tiết kiệm thời

gian, mở rộng khả năng tiếp cận tri thức quốc tế, đồng thời khuyến khích sáng tạo thông qua việc gợi ý ý tưởng và dàn ý nghiên cứu. Tuy nhiên, khảo sát cũng cho thấy những hệ quả đáng lo ngại. Khoảng 32% SV thừa nhận có thói quen phụ thuộc vào AI, “hỏi AI trước khi tự suy nghĩ”, dẫn đến nguy cơ suy giảm tư duy phản biện và năng lực phân tích độc lập. Bên cạnh đó, sự chênh lệch rõ rệt giữa SV Khoa Công nghệ thông tin và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn cũng như giữa nhóm nam SV có điều kiện kinh tế tốt với các nhóm khác, phản ánh tình trạng bất bình đẳng công nghệ trong tiếp cận và khai thác AI. Thực tế này làm trầm trọng thêm sự phân tầng xã hội trong GDĐH. Ngoài ra, tình trạng lạm dụng AI trong làm tiểu luận, luận văn đang gây khủng hoảng về đạo đức học thuật, buộc các cơ sở đào tạo phải có giải pháp quản lý chặt chẽ hơn.

Từ những kết quả trên có thể khẳng định việc ứng xử với AI trong học tập không thể dừng ở góc độ công nghệ mà cần đặt trong một tiếp cận xã hội học toàn diện. AI cần được nhìn nhận như một hiện tượng xã hội - giáo dục, tác động đến hành vi học tập, mối quan hệ thầy - trò và cơ hội tiếp cận tri thức của SV. Vì vậy, việc xây dựng một “văn hóa AI” trong môi trường đại học là yêu cầu cấp thiết: SV coi AI như công cụ hỗ trợ chứ không thay thế tư duy, GV tái định nghĩa vai trò từ người truyền đạt sang người hướng dẫn - phản biện và nhà trường ban hành các chính sách đạo đức học thuật, đồng thời giảm thiểu bất bình đẳng công nghệ.

Trong tương lai, AI chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển và tác động ngày càng sâu rộng đến GDĐH Việt Nam. Nếu được định hướng đúng cách, AI sẽ trở thành công cụ đắc lực để xây dựng một nền giáo dục hiện đại - nhân văn - công bằng và bền vững, nơi SV không chỉ tiếp nhận tri thức mà còn chủ động sáng tạo và thể hiện trách nhiệm công dân trong kỷ nguyên số. Nghiên cứu này không chỉ góp phần làm rõ thực trạng và thách thức tại Trường Đại học Thăng Long mà còn cung cấp những gợi ý quan trọng cho các cơ sở GDĐH khác, đồng thời mở ra hướng cho các nghiên cứu tiếp theo khai thác sâu hơn mối quan hệ giữa AI, xã hội học giáo dục và sự thay đổi phương pháp học tập của SV.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ballantine, J. H., & Hammack, F. M. (2015). *The sociology of education: A systematic analysis* (8th ed.). Routledge.
- [2] Bhatia, V. (2025). *Artificial intelligence and education: Sociological insights and implications*. *International Education and Research Journal*, 11(6). <https://ierj.in/journal/index.php/ierj/article/download/4249/4982/9052>.
- [3] Biggs, J., & Tang, C. (2011). *Teaching for quality learning at university* (4th ed.). Open University Press.
- [4] Bùi Trọng Tài, Nguyễn Minh Tuấn (2024). *Nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động học tập của sinh viên*. *Tạp chí Giáo dục*, 24(10), 6-11.
- [5] Chan, C. K. Y., & Hu, W. (2023). *Students' voices on generative AI: Perceptions, benefits, and challenges in higher education*. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(43), 1-18. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00411-8>.
- [6] Heaven, W. D. (2023, January 23). *ChatGPT is everywhere. Here's where it came from*. *Nature*. <https://www.nature.com/articles/d41586-023-00191-1>.
- [7] Kalim, U., Kanwar, A., Sha, J., & Huang, R. (2025). *Barriers to AI adoption for women in higher education: A systematic review of the Asian context*. *Smart Learning Environments*, 12(38), 1-21. <https://doi.org/10.1186/s40561-025-00390-5>.
- [8] Kamel, H. (2024). *Understanding the impact of AI hallucinations on the university community*. *Cybrarians Journal*, (73), 111-134. <https://doi.org/10.70000/cj.2024.73.622>.
- [9] Lê Anh Vinh, Trần Mỹ Ngọc (2024). *Tác động của trí tuệ nhân tạo (AI) đối với hệ thống giáo dục toàn cầu và giáo dục Việt Nam*. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, tập 20 số 5, tr. 1-11.
- [10] Nguyễn Đức Can, Lê Nguyễn Trang Nhung, Nguyễn Quang Anh (2025). *Từ lớp học truyền thống đến giáo dục thông minh: Vai trò của AI trong chuyển đổi số tại các trường đại học*. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, 31(4), 20-24.
- [11] Nguyễn Thị Hương (2024). *Tác động của AI đến sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam*. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủy lợi*, số đặc biệt tháng 10, tr. 6-12.
- [12] Russell, S., & Norvig, P. (2020). *Artificial intelligence: A modern approach* (4th ed.). Pearson.
- [13] Saúde, S., Barros, J. P., & Almeida, I. (2024). *Impacts of generative artificial intelligence in higher education: Research trends and students' perceptions*. *Social Sciences*, 13(8), 1-19. <https://doi.org/10.3390/socsci13080410>.
- [14] UNESCO. (2023). *AI in Education: Artificial intelligence in education*. UNESCO Publishing. <https://www.unesco.org/en/digital-education/artificial-intelligence>.
- [15] Wang, H., Dang, A., Wu, Z., & Mac, S. (2023). *Generative AI in higher education: Seeing ChatGPT through universities' policies, resources, and guidelines*. arXiv. <https://arxiv.org/abs/2312.05235>.
- [16] Warschauer, M. (2004). *Technology and social inclusion: Rethinking the digital divide*. MIT Press.